

Số: 06/2023/QĐST-VDS

Ngày 31 tháng 8 năm 2023

“V/v Xác định không phải cha con, mẹ con”

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Xác định không phải cha con, mẹ con

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Lê Hồng Thảo.

Thư ký phiên họp: Bà Lương Thị Hoa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 05/2023/TLST-HNGĐ ngày 31/7/2023 về việc “Yêu cầu xác định không phải cha con, mẹ con” theo Quyết định mở phiên họp số: 01/2023/QĐ-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:***

1. Ông L V T, sinh năm 1956;

2. Bà N T K, sinh năm 1961.

Cùng nơi cư trú: Bản M, xã T, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Chị L T N, sinh năm 1990;

Nơi ĐKKHKT: Thôn H, xã H, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;

Nơi tạm trú: Bản M, xã T, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Trong đơn yêu cầu việc dân sự và các lời khai tại Tòa án người yêu cầu ông L V T bà N T K trình bày: Năm 1991, vợ chồng ông T, bà K nhận nuôi cháu L T N, sinh ngày 10/9/1990. Ông T, bà K nhận nuôi cháu N từ bà ngoại cháu nhưng không biết rõ họ, tên địa chỉ của bà mà chỉ biết ở ở thị trấn C G (nay là thị trấn P X) huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang, nay bà đã chết. Ông T, bà K cũng không rõ bố, mẹ ruột của cháu N là ai, hiện nay làm gì ở đâu, còn sống hay đã chết. Lúc nhận nuôi cháu N, do vợ chồng không có con và có người giới thiệu nhận nuôi và ông bà không muốn rắc rối sau này, nên vợ chồng ông, bà không tìm hiểu gia đình cháu N.

Sau khi nhận con nuôi vì thiếu hiểu biết, nên vợ chồng ông, bà không đi làm các thủ tục nhận con nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật mà chỉ đi đăng ký khai sinh cho cháu N với nội dung bố đẻ ông L V T, còn mẹ đẻ N T K, tên cháu là L T N. Quá trình nhận nuôi và chung sống với cháu N không xảy ra mâu thuẫn hay ảnh hưởng bất cứ quyền lợi gì của cháu N. Hiện cháu N đã trưởng thành, có gia đình riêng và trên thực tế cháu N không phải con đẻ của ông T, bà K nên ông T, bà K đề nghị Tòa án xác nhận cháu N không phải là con đẻ của ông T, bà K để thuận tiện cho công việc và giấy tờ của cháu N.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị L T N trình bày: Chị N là con đẻ của ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị B. Hiện chị N không biết bố, mẹ chị đang ở đâu, còn sống hay đã chết. Năm 1991, ông L V T, bà N T K ở bản M, T, Yên Thế, Bắc Giang nhận nuôi chị. Do thiếu hiểu biết nên không làm thủ tục nhận nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật mà chỉ làm giấy khai sinh cho chị N vào năm 1991 với nội dung giấy khai sinh chị là con ông L V T và bà N T K và sau đó có đề tên chị trên giấy khai sinh thành L T N (theo giấy khai sinh cũ có tên bố N, mẹ B thì chị có tên là chị N T L A). Nay chị N đề nghị Tòa án làm thủ tục xác định ông T, bà K không phải là cha, mẹ đẻ của chị N. Hiện chị N đã lấy chồng có gia đình riêng và thực tế chị N không phải là con đẻ của ông T, bà K nên cũng ít đi lại. Chị N đồng ý với ý kiến của ông T, bà K về việc yêu cầu xác định ông T, bà K không phải là cha, mẹ đẻ chị N để thuận lợi cho công việc và các giấy tờ cá nhân của chị N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán và Thư ký giải quyết việc dân sự: Từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự: Thẩm phán và Thư ký đã chấp hành đúng quy định tại Điều 367 đến Điều 369 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định tại Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng khoản 10 Điều 29; Điều 227, Điều 228, Điều 361; Điều 366; 367; Điều 369; Điều 370; Điều 371 BLTTDS; Khoản 2 Điều 88, khoản 2 Điều 89 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị Tòa án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông L V T, bà N T K. Xác nhận chị L T N, sinh ngày 10/9/1990, Nơi ĐKHKTT: Thôn H, xã H, huyện Hiệp Hòa; Nơi ở: Bản M, xã T, huyện Yên Thế không phải là con đẻ của ông L V T và bà N T K. Xác

nhận ông L V T và bà N T K không phải là cha, mẹ đẻ của chị L T N, sinh ngày 10/9/1990, Nơi ĐKHKTT: Thôn H, xã H, huyện Hiệp Hòa; Nơi ở: Bản M, xã T, huyện Yên Thế. Về lệ phí: Ông T, bà K được miễn tiền lệ phí giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng dân sự: Ông L V T, bà N T K có đơn yêu cầu xác định không phải cha con, mẹ con theo quy định tại khoản 2 Điều 4; khoản 10 Điều 29 Bộ luật Tố tụng Dân sự, các đương sự đều thống nhất thỏa thuận với nhau về việc xác định không phải cha con, mẹ con nên Tòa án thụ lý theo trình tự việc dân sự theo quy định tại Điều 363 Bộ luật tố tụng Dân sự. Các đương sự đều có nơi cư trú, tạm trú tại huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. Do vậy yêu cầu của ông L V T, bà N T K thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35; điểm 1 khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ việc:

Năm 1991, vợ chồng ông T, bà K nhận nuôi chị L T N, sinh ngày 10/9/1990. Khi nhận nuôi không biết bố, mẹ ruột của cháu N là ai, hiện tại cũng không rõ họ làm gì ở đâu, còn sống hay đã chết. Vì không hiểu biết khi nhận con nuôi, vợ chồng ông, bà không làm các thủ tục nhận con nuôi theo quy định của pháp luật, chỉ đăng ký khai sinh cho cháu N tên bố đẻ ông L V T và mẹ đẻ bà N T K. Từ khi nhận cháu N cho đến nay không xảy ra mâu thuẫn hay ảnh hưởng bất cứ quyền lợi gì của cháu N. Nay cháu N trưởng thành có gia đình riêng và trên thực tế cháu N không phải là con đẻ của ông T, bà K. Nay ông T, bà K đề nghị Tòa án xác định cháu N không phải là con đẻ của ông T, bà K để thuận tiện cho công việc và giấy tờ của cháu N; phía chị L T N cũng xác định ông T, bà K là người nuôi dưỡng, không phải là bố, mẹ đẻ chị. Nay chị N đã lấy chồng và có gia đình riêng, chị N đồng ý với yêu cầu của ông T và bà K.

Theo 02 bản kết quả xét nghiệm ADN và công văn số 69/2023/CV-GEN ngày 18/8/2023 của Công ty cổ phần dịch vụ phân tích di truyền - Địa chỉ trụ sở: Tầng 2, chung cư 249A Thụy Khuê, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. Xác định ông L V T, bà N T K, chị L T N được nhân viên của Công ty cổ phần dịch vụ phân tích di truyền trực tiếp thu mẫu máu, chụp ảnh, lăn tay, thu thập các giấy tờ có thông tin cá nhân khai trên phiếu yêu cầu phân tích ADN và ông T, bà K, chị N trực tiếp ký xác nhận yêu cầu xét nghiệm ADN. Sau khi phân tích ADN đã cho 02 kết quả xét nghiệm ADN:

- Kết quả phân tích ADN số KQ 2302391 giữa ông L V T và chị L T N kết luận: Hai người trên không có quan hệ huyết thống "Cha - con".

- Kết quả phân tích ADN số KQ 2302392 giữa bà N T K và chị L T N: Hai người trên không có quan hệ huyết thống "Mẹ - con".

Xét thấy yêu cầu của ông L V T, bà N T K là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 11 Thông tư 15 ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp; Điều 11 Luật giám định tư pháp năm 2012, khoản 2 Điều 88, khoản 2 Điều 89 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[3]. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông L V T, bà N T K thuộc đối tượng người cao tuổi nên được miễn lệ phí giải quyết việc dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 88, khoản 2 Điều 89; Điều 101; Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 4; khoản 10 Điều 29; khoản 2 Điều 39; Điều 361; Điều 366; Điều 367; Điều 369; Điều 370; Điều 371; Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 11 Luật giám định tư pháp năm 2012;

Căn cứ Điều 11 Thông tư 15 ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông L V T, bà N T K xác định không phải cha con, mẹ con:

- Xác định ông L V T, sinh ngày 01/01/1956, căn cước công dân số 019056002783 do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 06/10/2022, nơi cư trú: Bản M, xã T, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang không phải là cha đẻ của chị L T N, sinh ngày 10/9/1990 căn cước công dân số 024190013911 do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/7/2021, Nơi ĐKKHKT: Thôn H, xã H, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang và chỗ ở: Bản M, xã T, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang

- Xác định bà N T K, sinh ngày 20/10/1961, căn cước công dân số 024161009515 do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 17/12/2021, nơi cư trú: Bản M, xã T, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang không phải là mẹ đẻ của chị L T N, sinh ngày 10/9/1990 căn cước công dân số 024190013911 do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp

ngày 12/7/2021, Nơi ĐKHKTT: Thôn H, xã H, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang và chỗ ở: Bản M, xã T, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

2. Quyền và nghĩa vụ giữa cha ông L V T, mẹ bà N T K với con chị L T N chấm dứt kể từ ngày Quyết định xác định không phải cha con, mẹ con của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

3. Ông L V T, bà N T K, chị L T N có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục cải chính hộ tịch và thủ tục pháp lý khác có liên quan đến quan hệ không phải cha con mẹ con giữa ông L V T, bà N T K và chị L T N.

4. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Miễn tiền lệ phí giải quyết việc dân sự cho ông L V T, bà N T K.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày, kể từ nhận được hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết, thông báo quyết định. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã T;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế;
- Lưu hồ sơ./.

THẨM PHÁN

Lê Hồng Thảo